

THÔNG TƯ

Hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Thông tư này bao gồm:

a) Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

b) Nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

c) Thông tư.

3. Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành thông tư liên tịch giữa Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Thống đốc) và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước được thực hiện theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật số 64/2025/QH15), Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 78/2025/NĐ-CP).

4. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính, việc lấy ý kiến đối với quy định về thủ tục hành chính và các nội dung khác về kiểm soát thủ tục hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối.

Điều 3. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Thống đốc phụ trách chung, chỉ đạo việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo chất lượng và thời hạn theo quy định.

2. Phó Thống đốc trực tiếp chỉ đạo đơn vị được giao phụ trách trong việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo phân công của Thống đốc (sau đây gọi tắt là Phó Thống đốc phụ trách); chỉ đạo, đôn đốc đối với đơn vị chủ trì soạn thảo về tiến độ, nội dung, giải quyết các vấn đề phức tạp, các vấn đề còn ý kiến khác nhau đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Thống đốc về việc đảm bảo tiến độ và chất lượng soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo các công chức trong đơn vị thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

a) Đối với Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước: xin ý kiến về chính sách, chủ trương lớn của văn bản quy phạm pháp luật;

b) Đối với Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước: xin ý kiến đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 1 Thông tư này mà Ngân hàng Nhà nước được giao chủ trì soạn thảo; Các nội dung quan trọng hoặc toàn bộ nội dung của dự thảo Thông tư theo đề xuất của đơn vị chủ trì soạn thảo, Phó Thống đốc phụ trách và được Thống đốc đồng ý hoặc theo chỉ đạo của Thống đốc;

c) Quy trình xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước được thực hiện theo quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ Ngân hàng Nhà nước, quy chế làm việc của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4. Phân công đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Vụ Pháp chế là đơn vị chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước giúp Thống đốc tổ chức, xây dựng các dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Ngân hàng Nhà nước chủ trì soạn thảo, trừ trường hợp Thống đốc giao đơn vị khác chủ trì soạn thảo.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, phạm vi điều chỉnh, mức độ phức tạp của văn bản, Thống đốc phân công đơn vị chủ trì soạn thảo đối với nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ do Ngân hàng Nhà nước chủ trì soạn thảo, thông tư của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 5. Ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật

Ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Chương V và Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn, trong trường hợp đặc biệt

1. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại Điều 50, Điều 51 của Luật số 64/2025/QH15, khoản 1 Điều 35, khoản 5 Điều 38 và khoản 4 Điều 41 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp đặc biệt thực hiện theo Điều 52 của Luật số 64/2025/QH15, khoản 2, 3, 4, và 5 Điều 35 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

1. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện đối với văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 61 Luật số 64/2025/QH15.

2. Đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm tiếp nhận, rà soát nội dung đề nghị, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc hướng dẫn áp dụng thông tư do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành. Trong trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì soạn thảo trình Thống đốc xem xét, ký ban hành văn bản hành chính để hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 8. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh

Ngoài những nội dung theo quy định tại Chương II, III Thông tư này, việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh còn phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư.

Chương II

XÂY DỰNG LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI, PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 9. Lập đề xuất về Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội

1. Trên cơ sở đề nghị của Bộ Tư pháp, Vụ Pháp chế đề nghị các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước rà soát, nghiên cứu, đề xuất nhiệm vụ lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội, trình Phó Thống đốc phụ trách phê duyệt văn bản đề xuất nhiệm vụ lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và gửi Vụ Pháp chế.

2. Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổng hợp đề xuất của các đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều này để báo cáo Thống đốc xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước trước khi gửi Bộ Tư pháp văn bản đề xuất nhiệm vụ lập pháp.

3. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ lập pháp mới, đơn vị trình Phó Thống đốc phụ trách phê duyệt văn bản đề xuất và báo cáo Thống đốc xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước trước khi gửi Vụ Pháp chế đầu mối tổng hợp gửi Bộ Tư pháp.

Điều 10. Lập đề xuất về Chương trình lập pháp hằng năm của Quốc hội

1. Trước ngày 01 tháng 5 hằng năm, căn cứ Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội hoặc yêu cầu giải quyết vấn đề phát sinh từ thực tiễn, đơn vị lập đề xuất báo cáo Phó Thống đốc phụ trách phê duyệt nội dung văn bản đề

xuất quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và gửi Vụ Pháp chế tổng hợp.

Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổng hợp đề xuất của các đơn vị để báo cáo Thống đốc xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước trước khi gửi Bộ Tư pháp trước ngày 01 tháng 6 hằng năm để tổng hợp.

2. Trường hợp cần điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm của Quốc hội, đơn vị lập đề xuất xây dựng tờ trình theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật số 64/2025/QH15 trình Phó Thống đốc phụ trách phê duyệt và báo cáo Thống đốc xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước trước khi gửi Vụ Pháp chế để lấy ý kiến Bộ Tư pháp đối với nội dung tờ trình đề xuất điều chỉnh.

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tư pháp, đơn vị lập đề xuất điều chỉnh có trách nhiệm tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện tờ trình đề xuất điều chỉnh, báo cáo Phó Thống đốc phụ trách phê duyệt nội dung và gửi Vụ Pháp chế tổng hợp trình Thống đốc quyết định việc trình Chính phủ đề xuất điều chỉnh.

Điều 11. Xây dựng chính sách, trình Chính phủ thông qua chính sách

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo lập đề xuất chính sách đối với các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật số 64/2025/QH15 có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

a) Xác định chính sách theo quy định tại Điều 28 của Luật số 64/2025/QH15 và xây dựng Kế hoạch chi tiết xây dựng chính sách trước khi trình Phó Thống đốc phụ trách xem xét;

b) Sau khi được Phó Thống đốc phụ trách phê duyệt nội dung chính sách, đơn vị chủ trì soạn thảo trình Thống đốc cho phép thực hiện việc xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước thông qua chủ trương xây dựng chính sách hoặc bổ sung chính sách mới theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

2. Trên cơ sở quy định tại khoản 1 Điều này, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Tổ chức đánh giá tác động chính sách theo quy định tại Điều 29 của Luật số 64/2025/QH15 và Điều 14 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Lập hồ sơ chính sách theo quy định tại khoản 2 Điều 30 của Luật số 64/2025/QH15;

c) Tổ chức lấy ý kiến về hồ sơ chính sách theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 của Luật số 64/2025/QH15 và khoản 2 Điều 15 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

d) Tổ chức hội nghị tham vấn chính sách theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật số 64/2025/QH15 và khoản 1 Điều 15 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

đ) Xây dựng bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân;

e) Đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức tín dụng, các tổ chức, cá nhân liên quan khác (nếu có) trên Cổng Thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

g) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức truyền thông chính sách từ thời điểm lấy ý kiến đến khi trình Chính phủ thông qua chính sách. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

3. Đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Phó Thống đốc phụ trách phê duyệt hồ sơ chính sách theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật số 64/2025/QH15 và khoản 1 Điều 16 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và báo cáo Thống đốc gửi Bộ Tư pháp hồ sơ chính sách để thẩm định.

4. Trường hợp ý kiến thẩm định là hồ sơ chính sách đủ điều kiện trình Chính phủ, đơn vị chủ trì soạn thảo trình Phó Thống đốc phụ trách và báo cáo Thống đốc xem xét, quyết định việc trình Chính phủ.

5. Trường hợp ý kiến thẩm định là hồ sơ chính sách chưa đủ điều kiện trình Chính phủ, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ chính sách, trình Phó Thống đốc phụ trách và báo cáo Thống đốc gửi Bộ Tư pháp hồ sơ chính sách để thẩm định lại. Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ chính sách làm thay đổi cơ bản, lược bỏ, bổ sung chính sách mới so với hồ sơ gửi thẩm định, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Phó Thống đốc phụ trách xem xét, quyết định đối với các thay đổi, lược bỏ, bổ sung mới đó và báo cáo Thống đốc cho phép thực hiện việc xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước.

6. Trong quá trình Chính phủ xem xét, quyết nghị thông qua chính sách, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan để tiếp thu, chỉnh lý hồ sơ chính sách theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền, trình Phó Thống đốc phụ trách phê duyệt hồ sơ chỉnh lý và báo cáo Thống đốc trình lại Chính phủ.

Trường hợp việc tiếp thu, chỉnh lý hồ sơ chính sách làm thay đổi cơ bản nội dung chính sách đã trình, lược bỏ, bổ sung chính sách mới so với hồ sơ trình, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm đánh giá bổ sung các nội dung thay đổi,

lược bỏ, bổ sung mới đó, trình Phó Thống đốc phụ trách xem xét, quyết định và báo cáo Thống đốc cho phép thực hiện việc xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước trước khi trình lại Chính phủ.

7. Khi Chính phủ quyết nghị thông qua hồ sơ chính sách, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chỉnh lý hồ sơ chính sách theo quyết nghị của Chính phủ, báo cáo Thống đốc xem xét, thông qua làm cơ sở giao đơn vị chủ trì soạn thảo thực hiện quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật để quy phạm hóa chính sách.

8. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội không do Vụ Pháp chế chủ trì, đơn vị chủ trì soạn thảo gửi Vụ Pháp chế hồ sơ chính sách để phối hợp.

Điều 12. Soạn thảo, gửi thẩm định và trình Chính phủ xem xét, quyết định trình dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Trên cơ sở nghị quyết của Chính phủ thông qua chính sách, đơn vị chủ trì soạn thảo xây dựng Kế hoạch soạn thảo chi tiết báo cáo Phó Thống đốc phụ trách xem xét, thông qua.

2. Trên cơ sở Kế hoạch soạn thảo chi tiết đã được thông qua, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Tổ chức việc soạn thảo. Trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì soạn thảo đề xuất và trình Thống đốc ký ban hành Quyết định thành lập Tổ soạn thảo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Lập hồ sơ dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây gọi là hồ sơ dự án) theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Luật số 64/2025/QH15, trong đó, dự thảo tờ trình phải nêu rõ các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Đơn vị chủ trì soạn thảo trình Phó Thống đốc phụ trách phê duyệt nội dung hồ sơ dự án và trình Thống đốc cho phép thực hiện việc xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước thông qua hồ sơ dự án;

c) Tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ tại điểm b khoản này theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 của Luật số 64/2025/QH15 và điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Đối với văn bản đã được thông qua chính sách theo quy định tại Điều 11 Thông tư này thì không bắt buộc phải lấy ý kiến;

d) Lấy ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 33 của Luật số 64/2025/QH15;

đ) Đăng tải hồ sơ dự án trên Cổng Thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước và Cổng Pháp luật quốc gia (qua Vụ Pháp chế) trong thời gian ít nhất là 20 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;

e) Xây dựng bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý, phản biện xã hội. Đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức tín dụng, các tổ chức, cá nhân liên quan khác (nếu có) trên Cổng Thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp đăng tải theo trình tự, thủ tục rút gọn;

g) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức truyền thông dự thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội từ thời điểm xin ý kiến cho đến khi Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua hồ sơ dự án. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

3. Trường hợp trong quá trình soạn thảo phát sinh chính sách mới, đơn vị chủ trì soạn thảo thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

4. Đơn vị chủ trì soạn thảo trình Phó Thống đốc phụ trách phê duyệt hồ sơ dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật số 64/2025/QH15 và khoản 1 Điều 19 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và báo cáo Thống đốc gửi hồ sơ đến Bộ Tư pháp để thẩm định.

5. Trường hợp ý kiến thẩm định đủ điều kiện trình Chính phủ, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án, trình Phó Thống đốc phụ trách phê duyệt và báo cáo Thống đốc trình Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp theo quy định.

Trường hợp ý kiến thẩm định chưa đủ điều kiện trình Chính phủ, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án, báo cáo Phó Thống đốc phụ trách phê duyệt và báo cáo Thống đốc gửi văn bản cho Bộ Tư pháp để thẩm định lại. Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ dự án phát sinh các nội dung thay đổi, lược bỏ, bổ sung mới so với hồ sơ dự án đã gửi thẩm định, đơn vị chủ trì báo cáo Thống đốc cho phép thực hiện việc xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước thông qua hồ sơ dự án đã được thay đổi, lược bỏ, bổ sung mới.

6. Trong quá trình Chính phủ xem xét, quyết nghị thông qua hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan ngang bộ

có liên quan để tiếp thu, chỉnh lý hồ sơ dự án theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền, báo cáo Phó Thống đốc phụ trách phê duyệt. Trường hợp việc tiếp thu, chỉnh lý làm thay đổi cơ bản, lược bỏ, bổ sung nội dung mới so với hồ sơ dự án đã trình, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm đánh giá bổ sung các nội dung thay đổi, lược bỏ, bổ sung mới đó, trình Phó Thống đốc phụ trách phê duyệt và báo cáo Thống đốc cho phép thực hiện việc xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước thông qua hồ sơ dự án đã được thay đổi, lược bỏ, bổ sung mới.

Đơn vị chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ dự án, trình Phó Thống đốc phụ trách phê duyệt và báo cáo Thống đốc trình Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

7. Trường hợp hồ sơ dự án không do Vụ Pháp chế chủ trì, đơn vị chủ trì soạn thảo gửi Vụ Pháp chế hồ sơ dự án để phối hợp.

Điều 13. Trình Quốc hội thông qua luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Khi Chính phủ quyết nghị thông qua hồ sơ dự án, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 37 của Luật số 64/2025/QH15 trình Phó Thống đốc phụ trách phê duyệt và báo cáo Thống đốc gửi cơ quan chủ trì thẩm tra theo phân công của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Khi nhận được yêu cầu tham gia phiên họp thẩm tra do cơ quan thẩm tra của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội triệu tập, đơn vị chủ trì soạn thảo chuẩn bị tài liệu họp trình Phó Thống đốc phụ trách phê duyệt và trình Thống đốc dự phiên họp thẩm tra.

3. Trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội trả lại hồ sơ dự án do chưa đủ điều kiện trình theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 37 của Luật số 64/2025/QH15, đơn vị chủ trì soạn thảo trình Phó Thống đốc phụ trách xem xét, quyết định việc giải trình, tiếp thu hoàn thiện hồ sơ dự án để trình lại hoặc lùi thời điểm trình Quốc hội và báo cáo Thống đốc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4. Trường hợp hồ sơ dự án luật, nghị quyết của Quốc hội chưa được sự thống nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc dự án có nội dung quan trọng, phức tạp cần có thêm thời gian để nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý theo quy định tại khoản 5 Điều 38, điểm d khoản 7 Điều 40 Luật số 64/2025/QH15, đơn vị chủ trì soạn thảo trình Phó Thống đốc phụ trách xem xét, quyết định việc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ lùi thời điểm trình Quốc hội hoặc trình lại và báo cáo Thống đốc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

5. Trường hợp hồ sơ dự án không do Vụ Pháp chế chủ trì, đơn vị chủ trì soạn thảo gửi Vụ Pháp chế hồ sơ dự án để phối hợp.

Chương III

XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 14. Văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Đối với văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây gọi tắt là văn bản quy định chi tiết) do Ngân hàng Nhà nước chủ trì soạn thảo, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được thông qua:

a) Vụ Pháp chế có trách nhiệm thực hiện rà soát, lập danh mục văn bản quy định chi tiết theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 23 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, trong đó dự kiến phân công đơn vị chủ trì soạn thảo và gửi lấy ý kiến các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước;

b) Đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tham gia ý kiến;

c) Vụ Pháp chế nghiên cứu tiếp thu và hoàn thiện danh mục văn bản quy định chi tiết trình Thống đốc ký gửi Bộ Tư pháp.

2. Đối với văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội không do Ngân hàng Nhà nước chủ trì soạn thảo: Trường hợp quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về danh mục văn bản quy định chi tiết phân công Ngân hàng Nhà nước chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết, Thống đốc giao đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết này.

3. Vụ Pháp chế có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, cập nhật thông tin điện tử hoặc gửi thông tin về tình hình xây dựng văn bản quy định chi tiết về Bộ Tư pháp trước ngày 25 hằng tháng hoặc theo đề nghị của Bộ Tư pháp.

Điều 15. Đăng ký xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Đơn vị đăng ký xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

a) Rà soát cơ sở đăng ký xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Trên cơ sở báo cáo rà soát tại điểm a khoản này, đơn vị lập đăng ký xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm trình Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) để gửi văn bản đăng ký xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ kèm theo báo cáo rà soát đến Văn phòng Chính phủ để thực hiện đăng ký vào Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo Quy chế làm việc của Chính phủ.

2. Trường hợp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc ban hành nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì không phải thực hiện việc đăng ký.

Điều 16. Quy trình xây dựng nghị định của Chính phủ

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) xem xét, thông qua Kế hoạch soạn thảo chi tiết và gửi Văn phòng để theo dõi, đôn đốc tiến độ.

2. Trên cơ sở Kế hoạch soạn thảo chi tiết đã được thông qua, đơn vị soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 14 của Luật số 64/2025/QH15; đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật số 64/2025/QH15 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Tổ chức việc soạn thảo. Trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì soạn thảo đề xuất và trình Thống đốc ban hành Quyết định thành lập Tổ soạn thảo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

c) Lập hồ sơ dự thảo văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Trong đó, dự thảo Tờ trình phải nêu rõ các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

d) Tổ chức lấy ý kiến, phản biện xã hội đối với hồ sơ tại điểm c khoản này theo quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

đ) Đăng tải hồ sơ dự thảo trên Cổng Thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước trong thời gian ít nhất là 10 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;

e) Xây dựng bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý, phản biện xã hội. Đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức tín dụng, các tổ chức, cá nhân liên quan khác (nếu có) trên Cổng Thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước theo

quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp đăng tải theo trình tự thủ tục rút gọn;

g) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức truyền thông dự thảo từ thời điểm lấy ý kiến đến khi trình Chính phủ thông qua dự thảo. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

3. Đơn vị chủ trì soạn thảo trình Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) gửi hồ sơ dự thảo theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP đến Bộ Tư pháp để thẩm định. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) bổ sung hồ sơ theo đề nghị của Bộ Tư pháp.

4. Trường hợp ý kiến thẩm định là dự thảo văn bản đủ điều kiện trình Chính phủ hoặc chỉ đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi tiếp thu, hoàn thiện, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo nghị định báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) để trình Chính phủ.

5. Trường hợp ý kiến thẩm định là dự thảo văn bản chưa đủ điều kiện trình Chính phủ, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý dự thảo và báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) để gửi hồ sơ dự thảo văn bản đến Bộ Tư pháp thẩm định lại.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định lại của Bộ Tư pháp, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Nghị định báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) để trình Chính phủ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

6. Đơn vị chủ trì soạn thảo phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan tiếp thu ý kiến của các thành viên Chính phủ, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản, báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp dự thảo văn bản chưa được thông qua thì đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Đối với nghị định quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật số 64/2025/QH15, trước khi ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) trình Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

7. Trường hợp dự thảo nghị định được thông qua, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Thống đốc trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Nghị định.

Trường hợp dự thảo nghị định chưa được thông qua, đơn vị chủ trì soạn thảo phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý, hoàn

thiện dự thảo văn bản theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) xem xét, trình Chính phủ dự thảo nghị định đã được chỉnh lý, hoàn thiện.

Điều 17. Quy trình xây dựng nghị quyết của Chính phủ quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 14 của Luật số 64/2025/QH15

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch soạn thảo chi tiết, báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) xem xét, thông qua và gửi Văn phòng để theo dõi, đôn đốc tiến độ.

2. Căn cứ Kế hoạch soạn thảo chi tiết được phê duyệt, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Lập hồ sơ dự thảo văn bản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Trong đó, dự thảo Tờ trình phải nêu rõ các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Tổ chức lấy ý kiến đối với nội dung dự thảo nghị quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

c) Xây dựng bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý. Đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức tín dụng, các tổ chức, cá nhân liên quan khác (nếu có) trên Cổng Thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp đăng tải theo trình tự, thủ tục rút gọn;

d) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức truyền thông dự thảo từ thời điểm lấy ý kiến đến khi trình Chính phủ thông qua dự thảo. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

3. Trên cơ sở hồ sơ dự thảo nghị quyết đã được chỉnh lý, hoàn thiện, đơn vị chủ trì soạn thảo trình Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) trình Chính phủ thông qua hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

4. Trong quá trình Chính phủ xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp thu ý kiến của các thành viên Chính phủ, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trường hợp dự thảo nghị quyết chưa được thông qua, đơn vị chủ trì soạn thảo phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, báo cáo

Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) xem xét, trình Chính phủ hồ sơ dự thảo nghị quyết đã được chỉnh lý, hoàn thiện.

Điều 18. Quy trình xây dựng nghị quyết của Chính phủ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 của Luật số 64/2025/QH15

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch soạn thảo chi tiết báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) xem xét, thông qua và gửi cho Văn phòng để theo dõi, đôn đốc tiến độ.

2. Căn cứ Kế hoạch soạn thảo chi tiết được phê duyệt, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản và đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Tổ chức việc soạn thảo. Trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì soạn thảo đề xuất và trình Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) ký ban hành Quyết định thành lập Tổ soạn thảo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

c) Lập hồ sơ dự thảo văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Trong đó, dự thảo Tờ trình phải nêu rõ các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

d) Tổ chức lấy ý kiến, phản biện xã hội đối với hồ sơ tại điểm c khoản này theo quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

đ) Đăng tải hồ sơ dự thảo văn bản trên Cổng Thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước trong thời gian ít nhất là 10 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;

e) Xây dựng bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý, phản biện xã hội. Đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức tín dụng, các tổ chức, cá nhân liên quan khác (nếu có) trên Cổng Thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp đăng tải theo trình tự, thủ tục rút gọn;

g) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức truyền thông dự thảo từ thời điểm lấy ý kiến đến khi trình Chính phủ thông qua dự thảo. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

3. Đơn vị chủ trì soạn thảo trình Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) hồ sơ dự thảo theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số

78/2025/NĐ-CP, gửi Bộ Tư pháp để thẩm định. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm bổ sung hồ sơ theo đề nghị của Bộ Tư pháp.

4. Trường hợp ý kiến thẩm định là dự thảo văn bản đủ điều kiện trình Chính phủ hoặc chỉ đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi tiếp thu, hoàn thiện, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo nghị quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP trước khi báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) để trình Chính phủ.

5. Trường hợp ý kiến thẩm định là dự thảo văn bản chưa đủ điều kiện trình Chính phủ, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý dự thảo và báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) để gửi hồ sơ dự thảo văn bản đến Bộ Tư pháp thẩm định lại. Trên cơ sở ý kiến thẩm định lại của Bộ Tư pháp, đơn vị chủ trì soạn thảo chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) thông qua hồ sơ dự thảo nghị quyết trình Chính phủ theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

6. Trong quá trình Chính phủ xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp thu ý kiến của các thành viên Chính phủ, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trường hợp dự thảo nghị quyết chưa được thông qua, đơn vị chủ trì soạn thảo phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) xem xét, trình Chính phủ hồ sơ dự thảo nghị quyết đã được chỉnh lý, hoàn thiện.

Điều 19. Quy trình xây dựng quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) xem xét, thông qua Kế hoạch soạn thảo chi tiết. Kế hoạch soạn thảo chi tiết phải được gửi cho Văn phòng để theo dõi, đôn đốc tiến độ.

2. Trên cơ sở Kế hoạch soạn thảo chi tiết đã được thông qua, đơn vị soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Tổng kết, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại khoản 2, 3 Điều 15 của Luật số 64/2025/QH15;

b) Tổ chức việc soạn thảo. Trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì soạn thảo đề xuất và trình Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) ban hành Quyết

định thành lập Tổ soạn thảo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

c) Lập hồ sơ dự thảo văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Trong đó, dự thảo Tờ trình phải nêu rõ các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

d) Tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ tại điểm c khoản này theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 36 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

đ) Đăng tải hồ sơ dự thảo văn bản trên Cổng Thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước trong thời gian ít nhất là 10 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. Trường hợp văn bản được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì việc đăng tải được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 Luật số 64/2025/QH15;

e) Xây dựng bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý. Đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức tín dụng, các tổ chức, cá nhân liên quan khác (nếu có) trên Cổng Thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp đăng tải theo trình tự, thủ tục rút gọn;

g) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức truyền thông dự thảo từ thời điểm lấy ý kiến đến khi trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành quyết định. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

3. Đơn vị chủ trì soạn thảo trình Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) gửi hồ sơ dự thảo theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP đến Bộ Tư pháp để thẩm định. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm bổ sung hồ sơ theo đề nghị của Bộ Tư pháp.

4. Trường hợp ý kiến thẩm định là dự thảo văn bản đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ hoặc chỉ đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ sau khi tiếp thu, hoàn thiện, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định, báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP để trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp.

5. Trường hợp ý kiến thẩm định là dự thảo văn bản không đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý dự thảo và báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) để gửi hồ sơ dự thảo văn bản đến Bộ Tư pháp để thẩm định lại.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định lại của Bộ Tư pháp, đơn vị chủ trì soạn thảo chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) xem xét, thông qua hồ sơ dự thảo quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP để trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp.

Chương IV

XÂY DỰNG, BAN HÀNH THÔNG TƯ

Mục 1

LẬP CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG THÔNG TƯ

Điều 20. Chương trình xây dựng thông tư của Ngân hàng Nhà nước

1. Chậm nhất ngày 01 tháng 11 hàng năm, Vụ Pháp chế có văn bản đề nghị các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước đề xuất xây dựng thông tư dự kiến ban hành trong năm tiếp theo.

2. Các đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ đề xuất xây dựng thông tư của năm tiếp theo dự kiến đưa vào Chương trình xây dựng thông tư trình Phó Thống đốc phụ trách phê duyệt và gửi Vụ Pháp chế chậm nhất ngày 01 tháng 12 hàng năm.

Nội dung đề xuất xây dựng thông tư cần nêu rõ: tên thông tư, sự cần thiết ban hành, căn cứ ban hành, đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh, nội dung cơ bản, đơn vị chủ trì soạn thảo, thời gian dự kiến ban hành và kế hoạch soạn thảo đối với từng văn bản.

Kế hoạch soạn thảo văn bản phải dự kiến cụ thể theo tháng các thời điểm sau: hoàn thành việc xây dựng dự thảo thông tư; hoàn thành việc lấy ý kiến đối với dự thảo thông tư; gửi Vụ Pháp chế thẩm định dự thảo thông tư; trình Thống đốc ký ban hành thông tư.

3. Đối với thông tư thuộc danh mục văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo có công văn gửi Vụ Pháp chế đăng ký vào Chương trình xây dựng thông tư của Ngân hàng Nhà nước.

4. Vụ Pháp chế xem xét, tổng hợp đề xuất xây dựng thông tư của các đơn vị. Trường hợp cần làm rõ nội dung dự kiến xây dựng thông tư, Vụ Pháp chế trao đổi hoặc có văn bản đề nghị đơn vị giải trình hoặc tổ chức họp để thảo luận về đề xuất xây dựng thông tư của các đơn vị.

Trường hợp không thống nhất với đề xuất của đơn vị (về cơ sở pháp lý, sự cần thiết ban hành, tên gọi, hình thức ban hành hoặc tính khả thi của tiến độ xây dựng văn bản), Vụ Pháp chế báo cáo Thống đốc xem xét, quyết định.

Sau khi xem xét, tổng hợp đề xuất của các đơn vị, Vụ Pháp chế xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước trước khi trình Thống đốc ký ban hành.

5. Chậm nhất ngày 25 tháng 12 hàng năm, Vụ Pháp chế trình Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) ký ban hành Chương trình xây dựng thông tư.

6. Chương trình xây dựng thông tư sau khi được Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) ký ban hành được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 21. Điều chỉnh Chương trình xây dựng thông tư

1. Trường hợp bổ sung vào Chương trình xây dựng thông tư, các đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư này.

2. Trường hợp đưa ra khỏi Chương trình hoặc điều chỉnh thời gian trình ban hành, tên thông tư, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) nêu rõ lý do, giải pháp khắc phục, kế hoạch soạn thảo văn bản phù hợp với thời điểm dự kiến trình ban hành dự thảo thông tư và có văn bản gửi Vụ Pháp chế sau khi có ý kiến phê duyệt của Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách).

3. Chậm nhất vào ngày 25 của tháng cuối mỗi quý hoặc khi có yêu cầu đột xuất, Vụ Pháp chế trình Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) quyết định việc điều chỉnh Chương trình xây dựng thông tư:

a) Vụ Pháp chế xem xét, tổng hợp đề nghị điều chỉnh Chương trình xây dựng thông tư của các đơn vị; Trường hợp có ý kiến khác về đề nghị điều chỉnh Chương trình xây dựng thông tư của các đơn vị, Vụ Pháp chế đề xuất Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) xem xét, quyết định;

b) Vụ Pháp chế xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước trước khi trình Thống đốc ký ban hành.

4. Quyết định điều chỉnh Chương trình xây dựng thông tư sau khi được ký ban hành được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

Mục 2

SOẠN THẢO, BAN HÀNH THÔNG TƯ

Điều 22. Soạn thảo thông tư

1. Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Tổ chức soạn thảo thông tư. Trường hợp cần thiết, thành lập Tổ soạn thảo với sự tham gia của đại diện của các đơn vị có liên quan của Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học để tư vấn cho đơn vị chủ trì soạn thảo thực hiện việc soạn thảo;

b) Xây dựng hồ sơ dự thảo thông tư, bao gồm: dự thảo tờ trình; dự thảo thông tư; bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có); bản so sánh, thuyết minh dự thảo thông tư; báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật số 64/2025/QH15;

c) Đăng tải hồ sơ dự thảo thông tư trên Cổng Thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước trong thời gian ít nhất 10 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;

d) Lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của thông tư và cơ quan, tổ chức có liên quan. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm lấy ý kiến Văn phòng trong trường hợp nội dung thông tư có quy định về thủ tục hành chính; Văn phòng, Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính trong trường hợp nội dung thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ và các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước.

Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo thông tư, đơn vị chủ trì soạn thảo có thể lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ khác, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, thời hạn cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến;

đ) Nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý. Xây dựng bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý. Đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức tín dụng, các tổ chức, cá nhân liên quan khác (nếu có) trên Cổng Thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

e) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng và tổ chức, cá nhân khác có liên quan tổ chức truyền thông dự thảo từ thời điểm lấy ý kiến đến khi trình Thống đốc ký ban hành thông tư. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Đối với thông tư được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Xây dựng hồ sơ dự thảo thông tư gồm: dự thảo tờ trình; dự thảo văn bản; bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo và tài liệu khác (nếu có);

b) Có thể đăng tải hồ sơ dự thảo thông tư trên Cổng Thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác; có thể lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và thực hiện truyền thông nội dung dự thảo thông tư. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì thời hạn lấy ý kiến ít nhất là 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tham gia ý kiến.

3. Căn cứ tính chất, mức độ phức tạp và tác động của dự thảo thông tư, đơn vị chủ trì soạn thảo xác định thời điểm thực hiện việc xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước, trình Phó Thống đốc phụ trách phê duyệt nội dung và báo cáo Thống đốc xem xét, quyết định việc xin ý kiến theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

Điều 23. Thẩm định dự thảo thông tư

1. Hồ sơ đề nghị thẩm định bao gồm:

a) Công văn đề nghị thẩm định, các tài liệu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Thông tư này, bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; tài liệu khác (nếu có);

b) Hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn bao gồm: Công văn đề nghị thẩm định, các tài liệu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 22 Thông tư này, bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; tài liệu khác (nếu có).

2. Việc tổ chức thẩm định được thực hiện như sau:

Vụ Pháp chế chủ trì thẩm định. Đối với dự thảo thông tư do Vụ Pháp chế chủ trì soạn thảo, Vụ Pháp chế trình Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) phân công đơn vị khác thẩm định. Việc thẩm định được thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 40 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

3. Nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 5 Điều 40 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

4. Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thẩm định, đơn vị thẩm định có văn bản thẩm định gửi đơn vị chủ trì soạn thảo.

Trường hợp cấp bách hoặc trong trường hợp ban hành Thông tư theo trình tự thủ tục rút gọn, đơn vị thẩm định có trách nhiệm thẩm định dự thảo thông tư trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị thẩm định.

5. Sau khi nhận được văn bản thẩm định, đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo thông tư và có văn bản gửi đơn vị thẩm định nêu

rõ việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định kèm theo dự thảo thông tư đã được chỉnh lý theo ý kiến thẩm định.

Trường hợp có những nội dung phức tạp, đơn vị chủ trì soạn thảo xem xét, quyết định việc báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) trước khi gửi văn bản tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đến đơn vị thẩm định.

6. Sau khi nhận được văn bản tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định, đơn vị thẩm định phối hợp với đơn vị chủ trì soạn thảo để hoàn thiện dự thảo thông tư.

Trường hợp nhất trí với nội dung dự thảo thông tư, Vụ Pháp chế đóng dấu thẩm định vào dự thảo thông tư (trừ thông tư do Vụ Pháp chế chủ trì soạn thảo).

Trường hợp cần tiếp tục làm rõ nội dung dự thảo thông tư, đơn vị thẩm định trao đổi trực tiếp hoặc mời đại diện đơn vị chủ trì soạn thảo cùng họp để thống nhất về nội dung dự thảo thông tư.

7. Sau khi phối hợp với đơn vị chủ trì soạn thảo để hoàn thiện dự thảo, trường hợp còn có ý kiến khác, đơn vị thẩm định có văn bản bảo lưu ý kiến gửi đơn vị chủ trì soạn thảo. Đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) xem xét, quyết định. Vụ Pháp chế đóng dấu thẩm định theo chỉ đạo của Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách). Đối với thông tư do Vụ Pháp chế chủ trì soạn thảo thì không đóng dấu thẩm định.

Điều 24. Trình ký ban hành thông tư

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo trình Thống đốc ký ban hành thông tư. Hồ sơ gồm:

a) Tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư này đã được chỉnh lý. Trong đó, dự thảo thông tư đã được Vụ Pháp chế đóng dấu thẩm định (trừ thông tư do Vụ Pháp chế chủ trì soạn thảo) và được lãnh đạo đơn vị chủ trì soạn thảo ký tắt vào trang cuối của dự thảo thông tư, từng phụ lục (nếu có);

b) Báo cáo thẩm định;

c) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định;

d) Tài liệu khác (nếu có).

2. Thống đốc (hoặc Phó Thống đốc phụ trách) xem xét, ký ban hành thông tư.

Điều 25. Phát hành và đăng tải thông tư

1. Sau khi thông tư được ký ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo gửi Văn phòng 02 bản giấy đã được ký kèm bản điện tử của thông tư và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản điện tử.

2. Văn phòng có trách nhiệm cấp số và thời gian ban hành thông tư, đóng dấu, nhân bản, lưu bản gốc, gửi thông tư cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo phần “Nơi nhận” của thông tư và gửi trả hồ sơ trình ký cho đơn vị chủ trì soạn thảo. Văn phòng kiểm tra lại thời hạn có hiệu lực của thông tư đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 53 của Luật số 64/2025/QH15.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành, Văn phòng có trách nhiệm gửi bản chính thông tư (01 bản giấy ghi rõ “Văn bản gửi đăng tải trên công báo điện tử” và bản điện tử) đến Văn phòng Chính phủ để đăng trên công báo điện tử; đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước, văn bản quy định không được đăng tải công khai trên mạng. Thông tư được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn phải được gửi đến Văn phòng Chính phủ ngay trong ngày ký ban hành để đăng tải trên công báo điện tử.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ký ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo gửi Vụ Pháp chế bản điện tử của thông tư để đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (định dạng “.pdf” có dấu đỏ và định dạng “.doc”), đồng thời đăng tải thông cáo báo chí về việc ban hành thông tư trên Cổng Thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước, văn bản quy định không được đăng tải công khai trên mạng.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều 70 Luật số 64/2025/QH15, hướng dẫn của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước về việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước căn cứ nhiệm vụ soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được giao có trách nhiệm đề xuất, phối hợp với Vụ Tài chính - Kế toán, Văn phòng để bố trí kinh phí và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 27. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm:

a) Tuân thủ các quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại Luật số 64/2025/QH15, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn và quy định tại Thông tư này;

b) Đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm bảo đảm tiến độ soạn thảo và chất lượng dự thảo văn bản, kịp thời báo cáo Thống đốc, Phó Thống đốc phụ trách về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng văn bản;

c) Chậm nhất ngày 23 hàng tháng hoặc theo yêu cầu đột xuất của Vụ Pháp chế, Văn phòng, các đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi Vụ Pháp chế, Văn phòng báo cáo tình hình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Trường hợp tiến độ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của đơn vị bị chậm thì báo cáo phải nêu rõ nguyên nhân và giải pháp khắc phục;

d) Chậm nhất ngày 25 tháng 12, các đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo bằng văn bản về kết quả triển khai xây dựng thông tư của năm đó gửi Vụ Pháp chế để tổng hợp, báo cáo Thống đốc;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Thông tư này.

2. Vụ Pháp chế có trách nhiệm:

Theo dõi, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện Chương trình xây dựng thông tư của Ngân hàng Nhà nước, Chương trình lập pháp hàng năm của Quốc hội và văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đúng tiến độ; báo cáo Thống đốc và Bộ Tư pháp theo quy định.

3. Văn phòng có trách nhiệm:

a) Theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ đúng tiến độ;

b) Báo cáo về tình hình, tiến độ xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng dự thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định về chế độ báo cáo thực hiện các đề án trong Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **15** tháng **11** năm 2025 và thay thế Thông tư số 27/2016/TT-NHNN quy định trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Thông tư số 07/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư

số 27/2016/TT-NHNN ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 29. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 29;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC.

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đoàn Thái Sơn